

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Cho cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-39
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính	16-39

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 83/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2008; Giấy phép số 30/UBCK-GP ngày 16/01/2009; Giấy phép số 357/UBCK-GP ngày 19/10/2010; Quyết định số 932/QĐ-UBCK ngày 16/11/2010; Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 05/04/2013; Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 29/03/2017; Giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK ngày 19/07/2017; Giấy phép điều chỉnh số 79/GPĐC-UBCK ngày 02/10/2018; Giấy phép điều chỉnh số 108/GPĐC-UBCK ngày 27/12/2018; Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK ngày 31/01/2019; Giấy phép điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK ngày 12/06/2019 và Giấy phép điều chỉnh số 58/GPĐC-UBCK ngày 09/09/2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Quang Huy	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 06 năm 2020
Ông Lương Minh Tuấn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2020
Ông Nguyễn Quang Anh	Thành viên	
Ông Luyện Quang Thắng	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quang Anh	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đỗ Đức Lộc	Trưởng ban
Bà Đinh Thị Lan Anh	Ủy viên
Bà Trần Thị Hòa	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers được lập ngày 12 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERSTầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		348.011.116.136	332.426.395.455
110	I. Tài sản tài chính		347.537.981.965	330.785.352.050
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	13.632.854.390	26.537.848.271
111.1	1.1 Tiền		13.632.854.390	26.537.848.271
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	-	251.700.000.000
114	3. Các khoản cho vay	5	90.001.474.854	26.236.736.214
115	4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	241.510.381.056	-
117	5. Các khoản phải thu	6	202.057.200	22.954.462.892
117.1	5.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		-	22.932.838.500
117.2	5.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		202.057.200	21.624.392
117.4	5.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		202.057.200	21.624.392
118	6. Trả trước cho người bán		1.692.411.585	2.726.674.313
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	498.442.828	318.982.859
122	8. Các khoản phải thu khác	6	360.052	310.647.501
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		473.134.171	1.641.043.405
131	1. Tạm ứng		-	24.500.000
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	7	96.650.328	155.194.328
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	375.483.843	1.375.841.004
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9	1.000.000	1.000.000
135	5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	84.508.073
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		28.729.242.578	28.626.625.816
220	II. Tài sản cố định		22.866.539.707	8.671.485.673
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	12.019.099.688	3.611.913.962
222	- Nguyên giá		21.025.705.927	9.593.825.927
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.006.606.239)	(5.981.911.965)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	10.847.440.019	5.059.571.711
228	- Nguyên giá		15.820.810.520	7.806.000.520
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.973.370.501)	(2.746.428.809)
240	IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	500.000.000	16.604.780.000
250	V. Tài sản dài hạn khác		5.362.702.871	3.350.360.143
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	9	820.109.106	1.108.583.554
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	8	1.822.274.330	739.994.307
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	2.720.319.435	1.501.782.282
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		376.740.358.714	361.053.021.271

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERSTầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		11.350.882.526	11.373.819.393
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		11.350.882.526	11.373.819.393
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	1.032.391.176	332.412.382
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn	15	305.923.887	5.079.368.446
321	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.195.105.482	366.666.668
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	6.760.774.098	3.203.903.462
323	5. Phải trả người lao động		721.978.030	1.231.728.004
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	148.948.441	1.154.166.741
329	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	185.761.412	5.573.690
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		365.389.476.188	349.679.201.878
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	365.389.476.188	349.679.201.878
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		339.000.000.000	339.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		339.000.000.000	339.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		339.000.000.000	339.000.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		649.372.459	128.235.961
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		649.372.459	128.235.961
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		25.090.731.270	10.422.729.956
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		13.116.651.270	10.422.729.956
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		11.974.080.000	-
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		376.740.358.714	361.053.021.271

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERSTầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành		33.900.000	33.900.000
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán		10.616.000.000	-
012	3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán		178.321.000.000	251.700.000.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	21	2.339.660.210.000	1.822.224.660.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		1.437.862.030.000	1.165.122.730.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		155.050.000.000	16.565.030.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		630.945.080.000	526.189.800.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		90.000.000.000	90.000.000.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		25.803.100.000	24.347.100.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	22	14.585.510.000	-
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		14.585.510.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERSTầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
026	3. Tiền gửi của khách hàng	23	9.195.672.785	14.993.751.861
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		8.761.527.792	14.454.291.537
029	3.0 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		433.384.993	539.460.324
029.1	a. <i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước</i>		433.384.993	539.460.324
030	3.1 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		760.000	-
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	24	9.194.912.785	14.993.751.861
031.1	5.1 <i>Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>		9.101.944.538	14.900.958.562
031.2	5.2 <i>Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>		92.968.247	92.793.299
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		760.000	-


Nguyễn Thị Năm
Người lập

Bùi Thị Việt Hà
Kế toán trưởngNguyễn Quang Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	16.995.396.214	18.190.347.008
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	4.023.716.214	1.048.429.200
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	11.974.080.000	-
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	997.600.000	17.141.917.808
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	464.307.395
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	1.590.671.077	1.273.484.457
04	1.4	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5.500.000.000	-
06	1.5	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	31.076.590.743	17.325.970.626
07	1.6	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	74.940.381	944.950.000
09	1.7	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.074.677.652	1.169.085.285
10	1.8	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	6.569.818.184	2.194.090.913
20		Cộng doanh thu hoạt động	62.882.094.251	41.562.235.684
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	2.612.149.136	-
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	2.600.000.000	-
21.3	c.	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	12.149.136	-
26	2.2	Chi phí hoạt động tự doanh	51.109.704	-
27	2.3	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	14.703.775.217	8.273.298.309
29	2.4	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	2.111.601.095	1.269.833.695
30	2.5	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.365.512.148	1.733.589.504
31	2.6	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	2.726.724.534	2.437.295.821
40		Cộng chi phí hoạt động	23.570.871.834	13.714.017.329
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
42	3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	209.194.193	256.730.351
44	3.2	Doanh thu khác về đầu tư	-	276.027.397
50		Cộng doanh thu hoạt động tài chính	209.194.193	532.757.748

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		26.478.342.252	10.186.573.835
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		5.099.279.773	1.348.449.959
03	- Khấu hao tài sản cố định		5.280.054.966	1.326.429.626
06	- Chi phí lãi vay		-	278.750.684
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(180.775.193)	(256.730.351)
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(11.974.080.000)	-
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(11.974.080.000)	-
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(20.686.982.099)	(261.017.819.217)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		251.700.000.000	(251.700.000.000)
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-	5.400.000.000
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(63.764.738.640)	(2.614.733.241)
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		(229.536.301.056)	-
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		24.975.943.982	(22.932.838.500)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(180.432.808)	44.551.501
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(394.126.637)	24.030.173
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		310.287.449	(251.157.167)
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(1.050.985.080)	16.369.840.902
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(1.005.218.300)	300.330.718
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(81.922.862)	(1.533.115.824)
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.451.301.120)	(2.415.150.870)
44	- Lãi vay đã trả		-	(278.750.684)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(3.739.181.831)	(3.942.400.252)
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		4.054.103.814	1.227.801.423
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		(509.749.974)	601.491.532
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		698.166.516	337.986.072
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		245.329.474.448	71.552.786.500
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(245.041.000.000)	(71.208.491.500)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.083.440.074)	(249.482.795.423)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(3.436.640.000)	(12.752.039.700)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		37.892.000	-
65	3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		209.194.193	256.730.351
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.189.553.807)	(12.495.309.349)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
73	1. Tiền vay gốc		-	91.600.000.000
73.2	1.1 Tiền vay khác		-	91.600.000.000
74	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(91.600.000.000)
74.3	2.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		-	(91.600.000.000)
76	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.632.000.000)	-
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(8.632.000.000)	-
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		(12.904.993.881)	(261.978.104.772)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		26.537.848.271	288.515.953.043
101.1	- Tiền		26.537.848.271	288.515.953.043
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	13.632.854.390	26.537.848.271
103.1	- Tiền		13.632.854.390	26.537.848.271



Nguyễn Thị Năm
Người lập



Bùi Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		10.666.659.606.700	5.588.965.222.400
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(10.505.219.144.400)	(5.747.586.459.319)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		2.620.131.793.848	2.362.177.609.465
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(2.786.373.429.048)	(2.246.411.870.425)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(997.666.176)	(988.496.210)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		53.012.010.461	35.265.465.243
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(53.011.250.461)	(35.265.465.243)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		(5.798.079.076)	(43.843.994.089)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		14.993.751.861	58.837.745.950
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		14.993.751.861	58.837.745.950
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		14.454.291.537	58.837.745.950
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		539.460.324	-
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	23	9.195.672.785	14.993.751.861
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		9.195.672.785	14.993.751.861
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		8.761.527.792	14.454.291.537
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		433.384.993	539.460.324
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		760.000	-

Nguyễn Thị Năm
Người lập

Bùi Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2020

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2019	01/01/2020	Năm 2019		Năm 2020		31/12/2019	31/12/2020
		VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		339.000.000.000	339.000.000.000	-	-	-	-	339.000.000.000	339.000.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		339.000.000.000	339.000.000.000	-	-	-	-	339.000.000.000	339.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		-	128.235.961	128.235.961	-	521.136.498	-	128.235.961	649.372.459
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		-	128.235.961	128.235.961	-	521.136.498	-	128.235.961	649.372.459
4. Lợi nhuận chưa phân phối		2.564.719.229	10.422.729.956	8.114.482.649	256.471.922	24.524.274.310	9.856.272.996	10.422.729.956	25.090.731.270
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		2.564.719.229	10.422.729.956	8.114.482.649	256.471.922	12.550.194.310	9.856.272.996	10.422.729.956	13.116.651.270
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	-	11.974.080.000	-	-	11.974.080.000
TỔNG CỘNG		341.564.719.229	349.679.201.878	8.370.954.571	256.471.922	25.566.547.306	9.856.272.996	349.679.201.878	365.389.476.188



Nguyễn Thị Năm
Người lập



Bùi Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 83/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2008; Giấy phép số 30/UBCK-GP ngày 16/01/2009; Giấy phép số 357/UBCK-GP ngày 19/10/2010; Quyết định số 932/QĐ-UBCK ngày 16/11/2010; Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 05/04/2013; Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 29/03/2017; Giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK ngày 19/07/2017; Giấy phép điều chỉnh số 79/GPĐC-UBCK ngày 02/10/2018; Giấy phép điều chỉnh số 108/GPĐC-UBCK ngày 27/12/2018; Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK ngày 31/01/2019; Giấy phép điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK ngày 12/06/2019 và Giấy phép điều chỉnh số 58/GPĐC-UBCK ngày 09/09/2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 339.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 339.000.000.000 đồng; tương đương 33.900.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 33 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 44 người).

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Dịch vụ giao dịch ký quỹ chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã hoàn thành đầu tư vào cơ sở hạ tầng và mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh nên chi phí và doanh thu đều tăng khá lớn. Việc đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh cơ bản, đặc biệt là dịch vụ môi giới và tư vấn đã khiến cho doanh thu cũng như lợi nhuận năm nay tăng mạnh so với năm trước.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.5 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.6 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	02 - 03 năm
- Phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán	03 - 10 năm

2.7 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chi được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế đã thực hiện hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014 như sau:

<u>Quỹ</u>	<u>Mức trích từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.12 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

2.13 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.14 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu đầu tư khác.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chi phí lãi vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

2.15 . Các khoản thuế

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020.

2.16 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.18 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Của Công ty Chứng khoán	2.630.393	1.528.713.406.524
- Cổ phiếu	1.711.600	58.576.800.000
- Trái phiếu	918.793	1.470.136.606.524
Của nhà đầu tư	550.297.132	21.171.878.751.100
- Cổ phiếu	550.297.132	21.171.878.751.100
	552.927.525	22.700.592.157.624

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	14.504.599	39.917.515
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	13.618.349.791	26.497.930.756
	13.632.854.390	26.537.848.271

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu APH	-	-	190.000.000.000	190.000.000.000
Trái phiếu APF	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	11.700.000.000	11.700.000.000
	-	-	251.700.000.000	251.700.000.000

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết (*)	49.476.800.000	61.450.880.000	-	-
Trái phiếu (**)	180.059.501.056	180.059.501.056	-	-
	229.536.301.056	241.510.381.056	-	-

(*): Giá trị hợp lý của các cổ phiếu niêm yết được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HOSE tại ngày 31/12/2020.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

c) Các khoản cho vay

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Hoạt động margin	47.607.800.551	16.134.436.214
Hoạt động ứng trước tiền bán	42.393.674.303	10.102.300.000
	90.001.474.854	26.236.736.214

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

d) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	-	251.700.000.000	-	251.700.000.000	-	-	-	-	-	251.700.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	11.700.000.000	-	11.700.000.000	-	-	-	-	-	11.700.000.000
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần An Thành Bicol	-	11.700.000.000	-	11.700.000.000	-	-	-	-	-	11.700.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết	-	240.000.000.000	-	240.000.000.000	-	-	-	-	-	240.000.000.000
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	-	190.000.000.000	-	190.000.000.000	-	-	-	-	-	190.000.000.000
- Trái phiếu công ty Cổ phần An Phát Finance	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-	-	-	-	-	50.000.000.000
AFS (**)	229.536.301.056	-	241.510.381.056	-	11.974.080.000	-	-	-	241.510.381.056	-
Cổ phiếu niêm yết (**)	229.536.301.056	-	241.510.381.056	-	11.974.080.000	-	-	-	241.510.381.056	-
- Sàn Hồ Chí Minh	49.476.800.000	-	61.450.880.000	-	11.974.080.000	-	-	-	61.450.880.000	-
- APH	4.480.000.000	-	4.787.200.000	-	307.200.000	-	-	-	4.787.200.000	-
- NHH	44.996.800.000	-	56.663.680.000	-	11.666.880.000	-	-	-	56.663.680.000	-
Trái phiếu (**)	180.059.501.056	-	180.059.501.056	-	-	-	-	-	180.059.501.056	-
- Trái phiếu công ty Cổ phần An Phát Finance	33.468.497.724	-	33.468.497.724	-	-	-	-	-	33.468.497.724	-
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	145.931.516.722	-	145.931.516.722	-	-	-	-	-	145.931.516.722	-
- Trái phiếu Công ty TNHH KCN kỹ thuật Cao An Phát	659.486.610	-	659.486.610	-	-	-	-	-	659.486.610	-
	229.536.301.056	251.700.000.000	241.510.381.056	251.700.000.000	11.974.080.000	-	-	-	241.510.381.056	251.700.000.000

(*): Giá trị hợp lý của các cổ phiếu niêm yết được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HOSE tại ngày 31/12/2020.

(**): Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty không thu thập được báo giá của 03 công ty chứng khoán theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 để xác định giá trị thị trường của các cổ phiếu chưa niêm yết và trái phiếu chưa niêm yết, theo đó giá trị hợp lý được tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

(***): Căn cứ theo quyết định số 3112/2020/QĐ-TGD ngày 31/12/2020, Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) sang tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS. Chênh lệch đánh giá tăng các tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS là giá trị đánh giá tăng tại thời điểm chuyển từ FVTPL sang AFS, khoản chênh lệch tăng này đang được phản ánh tại MS 01.2 - Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERSTầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	-	22.932.838.500
Phải thu lãi hoạt động Margin	149.826.149	15.521.319
Phải thu lãi hoạt động ứng trước tiền bán	52.231.051	6.103.073
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	498.442.828	318.982.859
- Phải thu phí môi giới chứng khoán	192.576.860	65.542.515
- Phải thu phí tư vấn tài chính	40.000.000	47.500.000
- Phải thu phí lưu ký của nhà đầu tư	265.865.968	205.940.344
Phải thu khác	360.052	310.647.501
- Phải thu khác	360.052	310.647.501
	700.860.080	23.584.093.252

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	96.650.328	155.194.328
	96.650.328	155.194.328

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.583.334	-
Chi phí hợp đồng tư vấn chưa phân bổ	-	1.142.181.172
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	373.900.509	233.659.832
	375.483.843	1.375.841.004

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	296.033.845	564.525.099
Phí sử dụng thiết bị, quản lý	89.045.669	84.805.258
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.371.800.878	90.663.950
Chi phí trả trước dài hạn khác	65.393.938	-
	1.822.274.330	739.994.307

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERSTầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020**9 . CẢM CÓ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC****a) Ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Đặt cọc bình nước Lavie	1.000.000	1.000.000
	1.000.000	1.000.000

b) Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Đặt cọc thẻ ra vào tòa nhà	3.050.000	3.100.000
Đặt cọc tiền thuê văn phòng mới tại tòa nhà TNR	817.059.106	1.105.483.554
	820.109.106	1.108.583.554

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2020	9.404.831.936	188.993.991	9.593.825.927
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	11.526.610.000	-	11.526.610.000
Thanh lý, nhượng bán	(94.730.000)	-	(94.730.000)
Tại ngày 31/12/2020	20.836.711.936	188.993.991	21.025.705.927
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2020	5.792.917.974	188.993.991	5.981.911.965
Khấu hao trong năm	3.053.113.274	-	3.053.113.274
Thanh lý, nhượng bán	(28.419.000)	-	(28.419.000)
Tại ngày 31/12/2020	8.817.612.248	188.993.991	9.006.606.239
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	3.611.913.962	-	3.611.913.962
Tại ngày 31/12/2020	12.019.099.688	-	12.019.099.688

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.345.566.927 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERSTầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm kế toán</u>	<u>Phần mềm giao dịch chứng khoán</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2020	632.075.520	7.173.925.000	7.806.000.520
Mua trong năm	58.250.000	2.651.060.000	2.709.310.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	5.305.500.000	5.305.500.000
Tại ngày 31/12/2020	690.325.520	15.130.485.000	15.820.810.520
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2020	610.486.282	2.135.942.527	2.746.428.809
Khấu hao trong năm	44.399.005	2.182.542.687	2.226.941.692
Tại ngày 31/12/2020	654.885.287	4.318.485.214	4.973.370.501
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	21.589.238	5.037.982.473	5.059.571.711
Tại ngày 31/12/2020	35.440.233	10.811.999.786	10.847.440.019

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 944.005.520 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

12 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	500.000.000	16.604.780.000
Máy móc thiết bị	-	11.112.670.000
Thiết bị, dụng cụ quản lý	-	186.610.000
Phần mềm chứng khoán	500.000.000	5.305.500.000
	500.000.000	16.604.780.000

13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	853.279.489	853.279.489
Tiền nộp bổ sung	1.580.125.760	525.218.013
Tiền lãi phân bổ trong năm	286.914.186	123.284.780
Số dư cuối năm	2.720.319.435	1.501.782.282

14 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	956.801.879	263.595.673
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	75.589.297	68.816.709
	1.032.391.176	332.412.382

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu	-	1.971.200.000
Công ty TNHH giải pháp phần mềm tài chính công nghệ DTND	-	2.000.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Viễn thông Quốc tế FPT	1.760.000	816.717.000
Công ty TNHH Tổng công ty Công nghệ và giải pháp CMC	-	152.750.000
Công ty Công nghệ thông tin VNPT	200.000.000	-
Phải trả các đối tượng khác	104.163.887	138.701.446
	305.923.887	5.079.368.446

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	143.200.124	46.026.744
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	589.067.942	1.086.301.120
Thuế Thu nhập cá nhân	6.028.506.032	2.071.575.598
	6.760.774.098	3.203.903.462

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	78.948.441	57.107.279
Chi phí thi công nội thất văn phòng mới	-	1.027.059.462
Chi phí phải trả khác	70.000.000	70.000.000
	148.948.441	1.154.166.741

19 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	182.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.761.412	5.573.690
	185.761.412	5.573.690

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

20 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2020 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2020 VND
Ông Luyện Quang Thắng	9,98%	33.832.200.000	9,98%	33.832.200.000
Bà Hoàng Phương Hằng	9,98%	33.832.200.000	9,98%	33.832.200.000
Vốn góp của cổ đông (dưới 5%)	80,04%	271.335.600.000	80,04%	271.335.600.000
	100%	339.000.000.000	100%	339.000.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	13.116.651.270	10.422.729.956
Lợi nhuận chưa thực hiện	11.974.080.000	-
	25.090.731.270	10.422.729.956

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	10.422.729.956	2.564.719.229
Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	12.550.194.310	8.114.482.649
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	22.972.924.266	10.679.201.878
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(1.042.272.996)	(256.471.922)
- Quỹ dự trữ điều lệ	(521.136.498)	(128.235.961)
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(521.136.498)	(128.235.961)
Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn năm nay	(8.814.000.000)	-
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	13.116.651.270	10.422.729.956

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 05 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp lũy kế đến 31/12/2019	100,00%	10.422.729.956
Trích Quỹ dự trữ điều lệ	5,00%	521.136.498
Trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5,00%	521.136.498
Chi trả cổ tức (bằng 2,6% vốn điều lệ)	84,57%	8.814.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	5,43%	566.456.960

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	339.000.000.000	339.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	339.000.000.000	339.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	339.000.000.000	339.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(8.814.000.000)	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(8.814.000.000)	-

e) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.900.000	33.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.900.000	33.900.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.900.000	33.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.900.000	33.900.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.900.000	33.900.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.437.862.030.000	1.165.122.730.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	155.050.000.000	16.565.030.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	630.945.080.000	526.189.800.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	90.000.000.000	90.000.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	25.803.100.000	24.347.100.000
	2.339.660.210.000	1.822.224.660.000

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	14.585.510.000	-
	14.585.510.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERSTầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

23 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	8.761.527.792	14.454.291.537
1. Nhà đầu tư trong nước	8.668.559.545	14.361.498.230
2. Nhà đầu tư nước ngoài	92.968.247	92.793.307
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	433.384.993	539.460.324
1. Nhà đầu tư trong nước	433.384.993	539.460.324
Tiền gửi của tổ chức phát hành	760.000	-
2. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	760.000	-
	9.195.672.785	14.993.751.861

24 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	8.761.527.792	14.454.291.537
1.1 Nhà đầu tư trong nước	8.668.559.545	14.361.498.230
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	92.968.247	92.793.307
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	433.384.993	539.460.324
2.1 Nhà đầu tư trong nước	433.384.993	539.460.324
	9.194.912.785	14.993.751.861

25 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	47.757.626.700	16.149.957.533
1.1 Phải trả gốc margin	47.607.800.551	16.134.436.214
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>47.607.800.551</i>	<i>16.134.436.214</i>
1.2 Phải trả lãi margin	149.826.149	15.521.319
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>149.826.149</i>	<i>15.521.319</i>
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	42.445.905.354	10.108.403.073
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	42.393.674.303	10.102.300.000
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>42.393.674.303</i>	<i>10.102.300.000</i>
2.2 Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	52.231.051	6.103.073
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>52.231.051</i>	<i>6.103.073</i>
	90.203.532.054	26.258.360.606

26 . THU NHẬP

a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
				Lãi VND	Lỗ VND	Lãi VND	Lỗ VND
FVTPL							
Cổ phiếu chưa niêm yết		9.100.000.000	11.700.000.000	-	2.600.000.000	-	-
- <i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần An Thành Bicsol</i>	650.000	9.100.000.000	11.700.000.000	-	2.600.000.000	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết		767.050.410.841	763.026.694.627	4.023.716.214	-	-	-
- <i>Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings</i>	736	73.600.000.000	73.600.000.000	-	-	-	-
- <i>Trái phiếu Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát</i>	9.435	95.959.561.646	95.106.227.187	853.334.459	-	-	-
- <i>Trái phiếu công ty Cổ phần An Phát Finance</i>	459.356	597.490.849.195	594.320.467.440	3.170.381.755	-	-	-
Công cụ thị trường tiền tệ		24.139.830.000	23.091.400.800	-	-	1.048.429.200	-
- <i>Chứng quyền AAA</i>	3.900	24.139.830.000	23.091.400.800	-	-	1.048.429.200	-
		800.290.240.841	797.818.095.427	4.023.716.214	2.600.000.000	1.048.429.200	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERSTầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020**b) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	997.600.000	17.141.917.808
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	464.307.395
Từ các khoản cho vay	1.590.671.077	1.273.484.457
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5.500.000.000	-
	8.088.271.077	18.879.709.660

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	209.194.193	256.730.351
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	276.027.397
	209.194.193	532.757.748

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	278.750.684
	-	278.750.684

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	4.834.491.333	5.442.660.425
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	226.445.620	182.954.385
Chi phí vật tư văn phòng	2.500.000	9.133.911
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.421.573.967	1.517.943.110
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	184.823.005	102.661.853
Chi phí thuế, phí và lệ phí	911.811.259	2.466.466.460
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.918.444.556	7.495.995.008
Chi phí khác	162.258.103	282.087.408
	12.662.347.843	17.499.902.560

30 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền phạt thu được	1.403.479.453	-
Thu thanh lý công cụ dụng cụ	31.363.636	13.636.364
Các khoản khác	894.170	16.978.268
	1.435.737.259	30.614.632

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERSTầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

31 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	28.419.000	-
Các khoản bị phạt	37.404.165	130.750.036
Chi phí cộng tác viên năm 2018	-	6.666.666
Tiền phạt đặt cọc thuê văn phòng Diamond	-	245.795.000
Tiền phạt đặt cọc thuê văn phòng TNL	288.424.448	-
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý	68.407.633	25.586.563
Lãi phạt đặt cọc mua bán Trái phiếu	1.267.671.232	-
Các khoản khác	125.137.296	37.565.391
	1.815.463.774	446.363.656

32 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.478.342.252	10.186.573.835
Các khoản điều chỉnh tăng	450.965.909	173.882.093
- Chi phí không hợp lệ	450.965.909	173.882.093
Các khoản điều chỉnh giảm	(12.971.680.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(997.600.000)	-
- Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	(11.974.080.000)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	13.957.628.161	10.360.455.928
Thuế suất thuế TNDN năm nay	20%	20%
Chi phí thuế TNDN năm nay	2.791.525.632	2.072.091.186
Miễn giảm 30% thuế TNDN theo quyết định 116/2020/QH14	837.457.690	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	1.954.067.942	2.072.091.186
Tiền chậm nộp thuế TNDN năm trước	-	65.948.549
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.086.301.120	1.429.360.804
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.451.301.120)	(2.481.099.419)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	589.067.942	1.086.301.120

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	24.524.274.310	8.114.482.649
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	24.524.274.310	8.114.482.649
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	33.900.000	33.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	723	239

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc/ Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc/ Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.632.854.390	-	26.537.848.271	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	-	251.700.000.000	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	241.510.381.056	-	-	-
Các khoản cho vay	90.001.474.854	-	26.236.736.214	-
Các khoản phải thu	700.860.080	-	23.584.093.252	-
	345.845.570.380	-	328.058.677.737	-
			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			1.524.076.475	5.417.354.518
Chi phí phải trả			148.948.441	1.154.166.741
			1.673.024.916	6.571.521.259

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	241.510.381.056	-	-	241.510.381.056
	<u>241.510.381.056</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>241.510.381.056</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	251.700.000.000	-	-	251.700.000.000
	<u>251.700.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>251.700.000.000</u>

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.632.854.390	-	-	13.632.854.390
Các khoản cho vay	90.001.474.854	-	-	90.001.474.854
Các khoản phải thu	700.860.080	-	-	700.860.080
	<u>104.335.189.324</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>104.335.189.324</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.537.848.271	-	-	26.537.848.271
Các khoản cho vay	26.236.736.214	-	-	26.236.736.214
Các khoản phải thu	23.584.093.252	-	-	23.584.093.252
	<u>76.358.677.737</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>76.358.677.737</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	1.524.076.475	-	-	1.524.076.475
Chi phí phải trả	148.948.441	-	-	148.948.441
	<u>1.673.024.916</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.673.024.916</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	5.417.354.518	-	-	5.417.354.518
Chi phí phải trả	1.154.166.741	-	-	1.154.166.741
	<u>6.571.521.259</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>6.571.521.259</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Hoạt động kinh doanh nguồn vốn và dịch vụ khách hàng	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	32.151.268.395	22.495.396.214	1.590.671.077	6.644.758.565	62.882.094.251
Chi phí hoạt động	16.069.287.365	2.663.258.840	-	4.838.325.629	23.570.871.834
Doanh thu không phân bổ					209.194.193
Chi phí không phân bổ					12.662.347.843
Kết quả hoạt động	16.081.981.030	19.832.137.374	1.590.671.077	1.806.432.936	26.858.068.767
Tổng chi phí mua TSCĐ	3.436.640.000	-	-	-	3.436.640.000
Tài sản bộ phận trực tiếp	3.178.762.263	241.510.381.056	90.151.301.003	1.785.362.740	336.625.807.062
Tài sản không phân bổ					40.114.551.652
Tổng tài sản	3.178.762.263	241.510.381.056	90.151.301.003	1.785.362.740	376.740.358.714
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	1.032.391.176	-	-	1.032.391.176
Nợ phải trả không phân bổ					10.318.491.350
Tổng nợ phải trả	-	1.032.391.176	-	-	11.350.882.526

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị như sau:

	Chức danh	Năm 2020	Năm 2019
Ông Nguyễn Quang Anh	Tổng giám đốc	VND 1.063.168.490	VND 726.373.317
Ông Trịnh Quang Huy	Chủ tịch HĐQT Bổ nhiệm ngày 01/06/2020	57.917.284	-
Ông Lương Minh Tuấn	Chủ tịch HĐQT Miễn nhiệm ngày 29/05/2020	469.462.796	3187.945.509

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Năm
Người lập

Bùi Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021



Số: 2203 /2021/CV-SBSI
(V/v Công văn giải trình biến động lợi nhuận
năm 2020 so với năm 2019)

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Ủy ban và Quý Sở!

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 11 Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Công bố thông tin;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính kiểm toán kiểm toán năm 2020 & năm 2019.

Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers (SBSI) giải trình biến động lợi nhuận năm 2020 so với năm 2019 như sau:

Lợi nhuận sau thuế năm 2020 : 24.524.274.310 đồng

* (Trong đó: LN chưa thực hiện : 11.974.080.000 đồng)

Lợi nhuận sau thuế năm 2019 : 8.114.482.649 đồng

Nguyên nhân dẫn tới việc lợi nhuận sau thuế năm 2020 có sự tăng trưởng lớn so với năm 2019 là do trong năm 2020 Công ty mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vào cơ sở hạ tầng mở rộng thêm một số tiện ích trong hệ thống giao dịch, thu hút được nhiều nhà đầu tư tham gia mở tài khoản và giao dịch mua bán chứng khoán. Mặt khác, trong 2020 Thị trường chứng khoán tăng mạnh về giá trị giao dịch, kích thích các Nhà đầu tư mới tham gia vào Thị trường chứng khoán ngày một nhiều hơn. Do đó, hoạt động kinh doanh 2020 của doanh nghiệp tăng đáng kể so với 2019, Doanh thu của năm 2020 tăng lên so với năm 2019. Đồng thời lợi nhuận của năm 2020 tăng tương ứng, cụ thể:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu đã thực hiện	52.552.945.703	42.125.608.064
Doanh thu chưa thực hiện	11.974.080.000	0
Chi phí	38.048.683.451	31.939.034.229

Bằng công văn này Công ty Cổ phần chứng khoán Stanley Brothers xin giải trình nguyên nhân dẫn tới sự biến động lợi nhuận giữa năm 2020 và năm 2019 để báo cáo Quý Cơ quan và công bố thông tin theo quy định của Pháp luật. *Quat*

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu CBTT



Nguyễn Quang Anh